

Bản án số: **22/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/5/2021

Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phúc

Ông Phạm Đức Tín

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B

- Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2020/TLST - HN&GD ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Dương Thị Thúy H, sinh năm 1988 (có mặt).

Trú tại: Số 12, ấp Chợ, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

**** Bị đơn:*** Ông Hoàng Thiện M, sinh năm 1989 (có mặt).

Trú tại: Số 12, ấp Chợ, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2020, quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông M tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh B D vào năm 2013. Trong thời gian chung sống thì giữa vợ chồng không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do ông M không lo làm ăn, chỉ ăn chơi, hút chích ma túy, đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai cả.

Hiện tại, bà H xác định tình cảm mà bà H dành cho ông M đã thực sự hết. Vì vậy, bà H yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông M.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc bà H trình bày trong thời gian chung sống giữa bà H và ông M có 03 người con chung là Hoàng Dương

Thiên K, sinh ngày 11/02/2014; Hoàng Dương Thiên M, sinh ngày 09/4/2016 và Hoàng Dương Thiên D, sinh ngày 20/8/2020. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được 03 con chung và yêu cầu ông M phải cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.500.000đồng/cháu/tháng.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Dương Thiên D, sinh ngày 20/8/2020 và chị H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K và cháu M mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị H rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, không còn có yêu cầu nào khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Hoàng Thiện M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2020 trình bày: Ông M và bà H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện G, tỉnh B D. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan đẽm bất đồng, vợ chồng hay cãi vã đôi khi dẫn đến xung đột nhau, đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả. Nay bà H có đơn ly hôn ông M đồng ý thuận tình ly hôn với bà H. Tại phiên tòa ông M trình bày do ông vẫn thương yêu bà H nên không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông M trình bày vợ chồng có 03 người con chung là Hoàng Dương Thiên K, sinh ngày 11/02/2014; Hoàng Dương Thiên M, sinh ngày 09/4/2016 và Hoàng Dương Thiên D, sinh ngày 20/8/2020. Quá trình làm việc ông M yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa ông M yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Dương Thiên K, sinh ngày 11/02/2014 và cháu Hoàng Dương Thiên M, sinh ngày 09/4/2016 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Quá trình làm việc ông M trình bày trong thời gian chung sống giữa ông và bà H có tạo lập được 01 Dền tích đất 70,2m² (3,8m x 18m) trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mua lại năm 2014, Dền tích xây dựng 70,2m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Dương Thị Thúy H cùng sở hữu là Hoàng Thiện M; 01 tiệm bán quần áo có tên Yuni và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, biển số 93M1-169.08 có giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Hoàng Thiện M, mua năm 2014 có giá 59.000.000 đồng.

Vợ chồng nợ ngân hàng Quân đội (MB Bank) Đ X số tiền 50.000.000đồng.

Ông yêu cầu Tòa án giả quyết chia đôi tài sản chung mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung và nợ chung mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ chung. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn Dền ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Về quan hệ pháp luật: Bà Dương Thị Thúy H yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Thiện M. Đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông M có nơi cư trú tại: Ấp Chợ, xã T, huyện Đ, tỉnh B. Do đó căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông M kết hôn với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh B D vào năm 2013. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua trình chung sống thì giữa bà H và ông M không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, ông M không lo làm ăn nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt dẫn đến ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai cả. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà H và ông M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa ông Hoàng Thiện M yêu cầu được đoàn tụ với bà H vì vẫn còn tình cảm với bà H, quá trình làm việc và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã hòa giải đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn với ông M, bà H không chấp nhận để đoàn tụ với ông M do đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc với ông M, do đó xét thấy việc bà H yêu cầu ly hôn với ông M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa bà H và ông M có 03 người con chung tên là Hoàng Dương Thiên K, sinh ngày 11/02/2014; Hoàng Dương Thiên M, sinh ngày 09/4/2016 và Hoàng Dương Thiên D, sinh ngày 20/8/2020.

Tại phiên tòa bà H với ông M thống nhất thỏa thuận bà H trực tiếp nuôi cháu Hoàng Dương Thiên D và ông M nuôi cháu Hoàng Dương Thiên K và Hoàng Dương Thiên M. Tại phiên tòa cháu Hoàng Dương Thiên K đã trên 07 tuổi cháu cũng có nguyện vọng được ở với ba cháu là ông M do đó cần tôn trọng nguyện vọng của cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu K và cháu M mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa bà H với ông M là trên cơ sở thống nhất tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận và cần giao cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K và cháu M cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về cấp dưỡng cho cháu K và cháu M mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa bà H thay đổi quyền nuôi con và rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc thay đổi quyền nuôi con và rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và cần đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà H.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Đối với ông M quá trình làm việc ông yêu cầu chia tài sản là 01 Dền tích đất 70,2m², trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mua lại năm 2014, Dền tích 70,2m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Dương Thị Thúy H cùng sở hữu là Hoàng Thiện M; 01 tiệm bán quần áo có tên Yuni và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, biển số 93M1-169.08 có giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Hoàng Thiện M, mua năm 2014 có giá 59.000.000 đồng. Yêu cầu chia đôi tài sản mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản.

Vợ chồng nợ Ngân hàng Quân đội (MB Bank) Đ X số tiền 50.000.000đồng, yêu cầu trả nợ chung mỗi người trả ½ số nợ chung.

Tuy nhiên, Tòa án đã ra Thông báo làm đơn yêu cầu phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan để Tòa án xem xét giải quyết và đã tổng đạt cho ông M nhưng ông M không làm đơn cũng như không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, do đó Tòa án không có căn cứ để xem xét chia tài sản chung, nợ chung đối với yêu cầu của ông M.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Dương Thị Thúy H.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thúy H được ly hôn với ông Hoàng Thiện M.

[2] Về con chung: Giao cháu Hoàng Dương Thiên D, sinh ngày 20/8/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Dương Thiên K, sinh ngày 11/02/2014 và Hoàng Dương Thiên M, sinh ngày 09/4/2016 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H cấp dưỡng cho con chung là cháu Hoàng Dương Thiên K và Hoàng Dương Thiên M mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án.

Bà H, ông M có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí:

Án phí HN&GD sơ thẩm: Bà Dương Thị Thúy H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004413, quyển số 0089 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B

Án phí cấp dưỡng 300.000 đồng bà H phải nộp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND TT V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa

